

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25-01-2021

“V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Linh Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Văn Hùng;

2. Ông La Văn Việt;

- Thư ký phiên tòa: ông Phan Thanh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1356/2020/TLST-HNGĐ ngày 15/12/2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Th, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp Chánh Hội, xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp Chánh Hội, xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

(Bà Th và ông T có đề nghị xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2020, nguyên đơn bà Phan Thị Th trình bày: Bà Th và ông T cưới nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh L vào ngày 04/8/2005. Vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, thường gây gỗ, cãi nhau. Bà Th và ông T đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay bà Th khởi kiện yêu cầu:

Về tình cảm: Bà Phan Thị Th yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Phan Trà M, sinh ngày 19/10/2005 và Nguyễn Phan Hùng V, sinh ngày 23/5/2011, hiện cả 02 con chung đang sống với bà Th. Khi ly hôn bà Th yêu cầu được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày trong bản tự khai ngày 11/01/2021 như sau: ông T thống nhất ý kiến và lời trình bày của bà Th về điều kiện kết hôn, con chung, tình trạng hôn nhân, tài sản chung, nợ chung. Nay bà Th xin ly hôn, ông T cũng đồng ý.

Bà Phan Thị Th và ông Nguyễn Thanh T bận đi làm xa nên đều có đơn đề nghị xử vắng mặt. Tòa án quyết định xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Phan Thị Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh T, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nơi bị đơn cư trú thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về tố tụng: Bà Phan Thị Th và ông Nguyễn Thanh T bận đi làm xa nên đều có đơn đề nghị xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp theo qui định khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Về tình cảm: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Th, ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh L vào ngày 04/8/2005 nên hôn nhân giữa bà Th với ông T là hợp pháp theo qui định Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Th đối với ông T: Bà Th cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm nên vợ chồng hay gây cãi, không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, hôn nhân không hạnh phúc và đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay bà Th thấy tình nghĩa vợ chồng không còn nên xin ly hôn.

Xét ý kiến của bà Th trình bày vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2019 đến nay được ông Nguyễn Thanh T thừa nhận và thấy tình nghĩa vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn. Từ đó, HĐXX xét hôn nhân giữa bà Th đối với ông T đã mâu thuẫn trầm trọng nên bà Th yêu cầu xin ly hôn với ông T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2]. Về con chung: bà Th trình bày giữa bà Th với ông T có hai con chung tên Nguyễn Phan Trà My, sinh ngày 19/10/2005 và Nguyễn Phan Hùng Vương, sinh ngày 23/5/2011, hiện hai con chung đang sống với bà Th. Khi ly hôn bà Th yêu cầu được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Xét tại bản tự khai của cháu Nguyễn Phan Trà M và cháu Nguyễn Phan Hùng V đều có nguyện vọng được sống với bà Th. Do đó, HĐXX thấy việc bà Th xin tiếp tục nuôi con chung được ông T đồng ý và đúng nguyện vọng của con

chung, phù hợp các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[3.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: bà Th không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con chung là tự nguyện và phù hợp các Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[3.4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phan Thị Th và ông Nguyễn Thanh T trình bày thống nhất không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Buộc nguyên đơn bà Phan Thị Th phải chịu án phí ly hôn sung công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 BLTTDS năm 2015.

Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Điều 107, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Phan Thị Th đối với ông Nguyễn Thanh T.

Bà Phan Thị Th được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Bà Phan Thị Th được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Phan Trà My, sinh ngày 19/10/2005 và Nguyễn Phan Hùng Vương, sinh ngày 23/5/2011, hiện hai con chung đang sống với bà Th.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà Th không yêu cầu.

4. Về quyền chăm sóc con chung: Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

5. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phan Thị Th và ông Nguyễn Thanh T thống nhất không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Bà Phan Thị Th phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, khấu trừ 300.000đồng tạm ứng án phí bà Th đã nộp theo biên lai số 0007109 ngày 14/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hoà sang án phí để thi hành. Bà Phan Thị Th đã nộp xong.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày niêm yết.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã T (để biết);
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Khắc Linh Duy